PHỤ LỤC 5.3: DANH MỤC TCVN BXD SOÁT XÉT 2026-2030

TỔNG 534 TCVN

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
1	**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**	
1	TCVN 9261:2012	Xây dựng công trình - Dung sai - Cách thể hiện chính xác kích thước - Nguyên tắc và thuật ngữ
2	TCVN 9312:2012	Cách nhiệt - Điều kiện truyền nhiệt và các đặc tính của vật liệu - Từ vựng
3	TCVN 3992:1985	Sản phẩm thuỷ tinh trong xây dựng. Thuật ngữ , định nghĩa
4	TCVN 11895:2017	Vật liệu dán tường. Thuật ngữ và ký hiệu
5	TCVN 13051:2020	Bê tông - Bê tông xi măng - Thuật ngữ và định nghĩa
6	TCVN 3991:2012	Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng. Thuật ngữ và định nghĩa
7	TCVN 9310-8:2012	Phòng cháy chữa cháy. Từ vựng. Thuật ngữ chuyên dùng cho phòng cháy chữa cháy cứu nạn và xử lý vật liệu nguy hiểm
8	TCVN 4056:2012	Hệ thống bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng - Thuật ngữ - Định nghĩa
9	TCVN 4473:2012	Máy xây dựng - Máy làm đất - Thuật ngữ, định nghĩa
10	TCVN 5570:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Ký hiệu đường trục và đường nét trong bản vẽ
11	TCVN 4614:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Ký hiệu quy ước các bộ phận cấu tạo ngôi nhà.
12	TCVN 6003-1:2012	Bản vẽ xây dựng - Hệ thống ký hiệu- Phần 1. Nhà và các bộ phận của nhà
13	TCVN 6003-2:2012	Bản vẽ xây dựng - Hệ thống ký hiệu- Phần 2. Tên phòng và số phòng
14	TCVN 4610:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Kết cấu gỗ - Ký hiệu qui ước trên bản vẽ
15	TCVN 4612:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Kết cấu bê tông cốt thép - Ký hiệu qui ước và thể hiện bản vẽ

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
16	TCVN 4613:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng- Kết cấu thép - Ký hiệu qui ước trên bản vẽ
17	TCVN 4615:1988	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng- Ký hiệu qui ước trang thiết bị vệ sinh
2	**QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ KHU CHỨC NĂNG**	
18	TCVN 12525-1:2018	Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị - Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung - Phần 1: Nguyên tắc thiết kế hệ thống tái sử dụng nước tập trung
19	TCVN 12525-2:2018	Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị - Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung - Phần 2: Quản lý hệ thống tái sử dụng nước tập trung
20	TCVN 12526:2018	Tái sử dụng ở các khu vực đô thị - Hướng dẫn đánh giá an toàn tái sử dụng nước - Thông số và phương pháp đánh giá
3	**KHẢO SÁT VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG**	
3.1	**Khảo sát xây dựng**	
21	TCVN 4195:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm
22	TCVN 4196:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm
23	TCVN 4197:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm
24	TCVN 4198:2014	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm
25	TCVN 4199:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm
26	TCVN 4200:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm
27	TCVN 4201:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm
28	TCVN 4202:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm
29	TCVN 9153:2012	Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
30	TCVN 9350:2012	Đất xây dựng. Phương pháp phóng xạ xác định độ chặt của đất tại hiện trường
31	TCVN 9351:2012	Đất xây dựng. Phương pháp thí nghiệm hiện trường. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)
32	TCVN 9352:2012	Đất xây dựng. Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)
33	TCVN 9354:2012	Đất xây dựng. Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng
34	TCVN 9360:2012	Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học
35	TCVN 9400:2012	Nhà và công trình xây dựng dạng tháp. Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa
36	TCVN 9402:2012	Hướng dẫn kỹ thuật công tác địa chất công trình cho xây dựng trong vùng các - tơ
3.2	**Thiết kế xây dựng**	
3.2.1	**Thiết kế kiến trúc**	
37	TCVN 4470:2012	Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế
38	TCVN 7022:2002	Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế
39	TCVN 9212:2012	Bệnh viện đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế
40	TCVN 9213:2012	Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế
41	TCVN 9214:2012	Phòng khám đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế
42	TCVN 4205:2012	Công trình thể thao - Sân thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế
43	TCVN 4260:2012	Công trình thể thao - Bể bơi - Tiêu chuẩn thiết kế
44	TCVN 4529:2012	Công trình thể thao - Nhà thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế
45	TCVN 9365:2012	Nhà văn hoá thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
46	TCVN 9211:2012	Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế
47	TCVN 12870:2020	Biệt thự nghỉ dưỡng - Yêu cầu chung về thiết kế
48	TCVN 12871:2020	Văn phòng kết hợp lưu trú - Yêu cầu chung về thiết kế
49	TCVN 12872:2020	Nhà thương mại liên kế - Yêu cầu chung về thiết kế
50	TCVN 12873:2020	Căn hộ lưu trú - Yêu cầu chung về thiết kế
51	TCVN 9412:2012	Mộ và bia mộ - Tiêu chuẩn thiết kế
52	TCVN 3995:2012	Kho phân khoáng khô - Yêu cầu thiết kế
53	TCVN 3996:2012	Kho giống lúa - Tiêu chuẩn thiết kế
3.2.2	**Thiết kế kết cấu xây dựng**	

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
54	TCVN 5574:2018	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
55	TCVN 8573:2010	Tre - Thiết kế kết cấu
3.2.3	**Hệ thống kỹ thuật công trình**	
56	TCVN 4519:1988	Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình - Quy phạm thi công và nghiệm thu
57	TCVN 5576:1991	Hệ thống cấp thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật
58	TCVN 9206:2011	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế
59	TCVN 9207:2011	Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế
60	TCVN 9208:2012	Lắp đặt cáp và dây dẫn điện trong các công trình công nghiệp
61	TCVN 13101:2020	Bộ phận và cấu kiện tòa nhà - Nhiệt trở và truyền nhiệt - Phương pháp tính toán
62	TCVN 13102:2020	Cầu nhiệt trong công trình xây dựng - Dòng nhiệt và nhiệt độ bề mặt - Tính toán chi tiết
63	TCVN 13103:2020	Vật liệu và sản phẩm xây dựng - Tính chất nhiệt ẩm - Giá trị thiết kế dạng bảng và quy trình xác định giá trị nhiệt công bố và thiết kế
64	TCVN 13104:2020	Đặc trưng nhiệt của hệ vách kính - Tính toán truyền nhiệt
65	TCVN 13105:2020	Đặc trưng nhiệt của tòa nhà - Các hệ số truyền dẫn nhiệt và truyền nhiệt thông gió - Phương pháp tính
66	TCVN 7958:2017	Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới
67	TCVN 8268:2017	Bảo vệ công trình xây dựng - Diệt và phòng chống mối cho công trình xây dựng đang sử dụng
4	**THI CÔNG VÀ AN TOÀN XÂY DỰNG**	
4.1	**Thi công**	
68	TCVN 4252:2012	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công
69	TCVN 9259-1:2012	Dung sai trong xây dựng - Phần 1- Nguyên tắc cơ bản để đánh giá và yêu cầu riêng

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
70	TCVN 9259-8:2012	Dung sai trong xây dựng công trình - Phần 8. Giám định về kích thước và kiểm tra công tác thi công
71	TCVN 9260:2012	Bản vẽ xây dựng - Cách thể hiện độ sai lệch giới hạn
72	TCVN 9262-1:2012	Dung sai trong xây dựng công trình - Các phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình. Phần 1. Phương pháp và dụng cụ đo
73	TCVN 9262-2:2012	Dung sai trong xây dựng công trình - Các phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình . Phần 2. Vị trí các điểm đo
74	TCVN 7955:2008	Lắp đặt ván sàn. Quy phạm thi công và nghiệm thu
75	TCVN 9359:2012	Nền nhà chống nồm - Thiết kế và thi công
76	TCVN 9376:2012	Nhà ở lắp ghép tấm lớn. Thi công và nghiệm thu công tác lắp ghép
77	TCVN 9377-1:2012	Công tác hoàn thiện trong xây dưng. Thi công và nghiệm thu. Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng
78	TCVN 9377-2:2012	Công tác hoàn thiện trong xây dưng. Thi công và nghiệm thu. Phần 2: Công tác trát trong xây dựng
79	TCVN 9377-3:2012	Công tác hoàn thiện trong xây dưng. Thi công và nghiệm thu. Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng
80	TCVN 12604-2:2019	Kết cấu bảo vệ bờ biển - Cấu kiện kè bê tông cốt sợi polyme đúc sẵn - Phần 2 : Thi công và nghiệm thu
81	TCVN 12660:2019	Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm nền đường ô tô. Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu
82	TCVN 12002:2020	Kết cấu thép - Chế tạo và kiểm tra chất lượng
83	TCVN 13194:2020	Kết cấu thép - Lắp dựng và nghiệm thu
84	TCVN 9355:2012	Gia cố đất nền yếu bằng bấc thấm thoát nước
85	TCVN 9403:2012	Gia cố đất nền yếu. Phương pháp trụ đất xi măng
4.2	**An toàn xây dựng**	
86	TCVN 8648:2011	Kính xây dựng. Các kết cấu kiến trúc có lắp kính. Phân loại theo khả năng chịu lửa.
87	TCVN 9310-3:2012	Phòng cháy chữa cháy. Từ vựng. Phần 3: Phát hiện cháy và báo cháy
88	TCVN 9310-4:2012	Phòng cháy chữa cháy. Từ vựng. Phần 4: Thiết bị chữa cháy

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
89	TCVN 9311-3:2012	Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm
90	TCVN 9311-4:2012	Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 4: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải
91	TCVN 9311-5:2012	Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 5: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải
92	TCVN 9311-6:2012	Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm
93	TCVN 9311-7:2012	Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 7: Yêu cầu riêng đối với cột
94	TCVN 9311-8:2012	Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 8: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải
95	TCVN 9383:2012	Thử nghiệm khả năng chịu lửa. Cửa đi và cửa chắn ngăn cháy
96	TCVN 12695:2020	Thử nghiệm phản ứng với lửa cho các sản phẩm xây dựng - Phương pháp thử tính không cháy,
97	TCVN 12696-1:2020	Thử nghiệm phản ứng với lửa - Khả năng bắt cháy của sản phẩm dưới tác động trực tiếp của ngọn lửa - Phần 1: Hướng dẫn thử khả năng bắt cháy
98	TCVN 12696-2:2020	Thử nghiệm phản ứng với lửa - Khả năng bắt cháy của sản phẩm dưới tác động trực tiếp của ngọn lửa - Phần 2: Thử nghiệm với nguồn lửa đơn
99	TCVN 12696-3:2020	Thử nghiệm phản ứng với lửa - Khả năng bắt cháy của sản phẩm dưới tác động trực tiếp của ngọn lửa - Phần 3: Thử nghiệm với nhiều nguồn lửa
100	TCVN 8647:2011	Kính xây dựng. Hướng dẫn lắp đặt kính đảm bảo an toàn
5	**VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN XÂY DỰNG**	
5.1	**Vật liệu**	
101	TCVN 6067:2018	Xi măng poóc lăng bền sunphat. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
102	TCVN 7445-1:2004	Xi măng giếng khoan chủng loại G - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
103	TCVN 7445-2:2004	Xi măng giếng khoan chủng loại G - Phần 2: Phương pháp thử
104	TCVN 7711:2013	Xi măng pooclăng hỗn hợp bền sulfat
105	TCVN 8873:2012	Xi măng nở - Yêu cầu kỹ thuật
106	TCVN 9202:2012	Xi măng xây trát
107	TCVN 9488:2012	Xi măng đóng rắn nhanh
108	TCVN 9501:2013	Xi măng đa cấu tử
109	TCVN 6016:2015	Xi măng - Phương pháp xác định cường độ
110	TCVN 6017:2013	Xi măng. Phương pháp thử. Xác định thời gian đông kết và độ ổn định
111	TCVN 6820:2013	Xi măng pooclăng chứa bari. Phương pháp phân tích hoá học
112	TCVN 7947:2008	Xi măng Alumin. Phương pháp phân tích hóa học
113	TCVN 8874:2012	Phương pháp thử xác định độ nở hãm của vữa xi măng nở
114	TCVN 8875:2012	Phương pháp thử xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải biến
115	TCVN 8876:2012	Phương pháp thử xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng
116	TCVN 8877:2011	Xi măng. Phương pháp xác định độ nở autoclave
117	TCVN 9189:2012	Định lượng các khoáng trong clanhke xi măng - Phương pháp nhiễu xạ tia X
118	TCVN 9203:2012	Xi măng pooc lăng hỗn hợp - phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng
119	TCVN 11970:2018	Xác định nhiệt thủy hóa xi măng - Phương pháp bán đoạn nhiệt
120	TCVN 12003:2018	Xi măng - Phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước
121	TCVN 6071:2013	Nguyên liệu để sản xuất xi măng pooclăng. Hỗn hợp sét
122	TCVN 6072:2013	Nguyên liệu để sản xuất xi măng pooclăng. Đá vôi. Yêu cầu kỹ thuật
123	TCVN 6882:2013	Phụ gia khoáng cho xi măng
124	TCVN 8262:2009	Tro bay. Phương pháp phân tích hóa học
125	TCVN 8265:2009	Xỉ hạt lò cao. Phương pháp phân tích hóa học

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
126	TCVN 8878:2011	Phụ gia công nghệ dùng cho sản xuất xi măng
127	TCVN 2119:1991	Đá canxi cacbonat để nung vôi xây dựng
128	TCVN 2231:2015	Vôi canxi cho xây dựng
129	TCVN 9191:2012	Đá vôi - Phương pháp phân tích hoá học
130	TCVN 12394:2018	Hỗn hợp bê tông sản xuất theo phương pháp định lượng thể tích và trộn liên tục
131	TCVN 12252:2020	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu
132	TCVN 12209:2018	Bê tông tự lèn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
	TCVN 12631:2020	Bê tông tự lèn - Thiết kế thành phần
	TCVN 12632:2020	Bê tông tự lèn - Thi công và nghiệm thu
135	TCVN 12393:2018	Bê tông cốt sợi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
136	TCVN 7570:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật
137	TCVN 7572-1:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 1: Lấy mẫu
138	TCVN 7572-2:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định thành phần hạt
139	TCVN 7572-3:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 3: Hướng dẫn xác định thành phần thạch học
140	TCVN 7572-4:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước
141	TCVN 7572-5:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 5: Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn
142	TCVN 7572-6:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 6: Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng
143	TCVN 7572-7:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 7: Xác định độ ẩm
144	TCVN 7572-8:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 8: Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ
145	TCVN 7572-9:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử. Phần 9: Xác định tạp chất hữu cơ
146	TCVN 7572-10:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử. Phần 10: Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
147	TCVN 7572-11:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử. Phần 11: Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn
148	TCVN 7572-12:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 12: Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy los Angeles
149	TCVN 7572-13:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 13: Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn
150	TCVN 7572-14:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Xác định khả năng phản ứng kiềm Silic
151	TCVN 7572-15:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Xác định hàm lượng clorua
152	TCVN 7572-16:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 16: Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ
153	TCVN 7572-17:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 17: Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá
154	TCVN 7572-18:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử. Phần 18: Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ
155	TCVN 7572-19:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 19: Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình
156	TCVN 7572-20:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 20: Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ
157	TCVN 10796:2015	Cát mịn cho bê tông và vữa
158	TCVN 12208:2018	Cốt liệu cho bê tông cản xạ - Yêu cầu kỹ thuật
159	TCVN 11969:2018	Cốt liệu lớn tái chế cho bê tông
160	TCVN 4506:2012	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật
161	TCVN 8825:2011	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn
162	TCVN 8862:2009	Tro bay - Phương pháp phân tích hóa học
163	TCVN 10302:2014	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng
164	TCVN 10654:2015	Chất tạo bọt cho bê tông bọt - Phương pháp thử
165	TCVN 10655:2015	Chất tạo bọt cho bê tông bọt - Yêu cầu kỹ thuật
166	TCVN 11586:2016	Xỉ hạt lò cao nghiền mịn cho vữa và bê tông
167	TCVN 12300:2018	Phụ gia cuốn khí cho bê tông
168	TCVN 12301:2018	Phụ gia hóa học cho bê tông chảy

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
169	TCVN 2118:1994	Gạch canxi silicat. Yêu cầu kỹ thuật
170	TCVN 4344:1986	Đất sét để sản xuất gạch ngói nung. Lấy mẫu
171	TCVN 4345:1986	Đất sét để sản xuất gạch ngói nung. Phương pháp thử cơ lý
172	TCVN 6477:2016	Gạch bê tông
173	TCVN 7959:2017	Bê tông nhẹ - Sản phẩm bê tông khí chưng áp
174	TCVN 9029:2017	Bê tông nhẹ - Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
175	TCVN 9030:2017	Bê tông nhẹ - Phương pháp thử
176	TCVN 3121-1:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 1: xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất
177	TCVN 3121-2:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 2: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử
178	TCVN 3121-3:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ lưu động của vữa tươi
179	TCVN 3121-6:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 6: Xác định khối lượng thể tích vữa tươi
180	TCVN 3121-8:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 8: Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi
181	TCVN 3121-9:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 9: Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi
182	TCVN 3121-10:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 10: Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn
183	TCVN 3121-11:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 11: Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn
184	TCVN 3121-12:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 12: Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền
185	TCVN 3121-17:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 17: Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước
186	TCVN 3121-18:2003	Vữa xây dựng -Phương pháp thử. Phần 18: Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đóng rắn
187	TCVN 4314:2003	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật
188	TCVN 4459:1987	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng
189	TCVN 8824:2011	Phương pháp xác định độ co khô của vữa
190	TCVN 9028:2011	Vữa cho gạch bê tông nhẹ
191	TCVN 9034:2011	Vữa và bê tông chịu axit

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
192	TCVN 9204:2012	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co
193	TCVN 11971:2018	Vữa chèn cáp dự ứng lực
194	TCVN 6926:2001	Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh xây dựng. Đôlômit
195	TCVN 7218:2018	Kính tấm xây dựng - Kính nổi - Yêu cầu kỹ thuật
196	TCVN 7219:2018	Kính tấm xây dựng - Phương pháp thử
197	TCVN 7268:2013	Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp - Phương pháp thử độ bền va đập
198	TCVN 7364-1:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 1: Định nghĩa và mô tả các vật liệu thành phần
199	TCVN 7364-2:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 2: Kính dán an toàn nhiều lớp
200	TCVN 7364-3:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 3: Kính dán nhiều lớp
201	TCVN 7364-4:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 4: Phương pháp thử độ bền
202	TCVN 7364-5:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 5: Kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm
203	TCVN 7364-6:2018	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 6: Ngoại quan
204	TCVN 7455:2013	Kính xây dựng - Kính phẳng tôi nhiệt
205	TCVN 7456:2004	Kính xây dựng - Kính cốt lưới thép
206	TCVN 7527:2005	Kính xây dựng - Kính cán vân hoa
207	TCVN 7529:2005	Kính xây dựng - Kính màu hấp thụ nhiệt
208	TCVN 7599:2007	Thuỷ tinh xây dựng - Blốc thuỷ tinh rỗng
209	TCVN 7736:2007	Kính xây dựng. Kính kéo
210	TCVN 7737:2007	Kính xây dựng - Phương pháp xác định độ xuyên quang, độ phản quang, tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua và độ xuyên bức xạ tử ngoại
211	TCVN 8261:2009	Kính xây dựng - Phương pháp thử - Xác định ứng suất bề mặt và ứng suất cạnh của kính bằng phương pháp quang đàn hồi không phá hủy sản phẩm.
212	TCVN 9036:2011	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh. Cát - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
213	TCVN 9037:2011	Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh cát. Phương pháp lấy mẫu
214	TCVN 9038:2011	Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh cát. Phương pháp xác định thành phần cỡ hạt
215	TCVN 9039:2011	Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh xây dựng. Đá vôi
216	TCVN 9077:2011	Kính xây dựng - Kính an toàn chống đạn - Phương pháp thử và phân loại
217	TCVN 9078:2011	Kính xây dựng - Kính an toàn chống gió bão - Phương pháp thử và phân loại
218	TCVN 9171:2012	Thủy tinh và cát để sản xuất thủy tinh - Quy định chung trong phân tích hóa học
219	TCVN 9172:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Silic đioxit
220	TCVN 9173:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Sunfua đioxit
221	TCVN 9174:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Sắt oxit
222	TCVN 9175:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Nhôm oxit
223	TCVN 9176:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Canxi oxit và Magiê oxit
224	TCVN 9177:2012	Thủy tinh không màu - Phương pháp xác định hàm lượng Natri oxit và Kali oxit
225	TCVN 9178:2012	Thủy tinh màu - Phương pháp xác định hàm lượng Sắt oxit
226	TCVN 9179:2012	Thủy tinh màu - Phương pháp xác định hàm lượng Titan oxit
227	TCVN 9180:2012	Thủy tinh màu - Phương pháp xác định hàm lượng Đồng oxit
228	TCVN 9181:2012	Thủy tinh màu - Phương pháp xác định hàm lượng Coban oxit
229	TCVN 9182:2012	Thủy tinh màu - Phương pháp xác định hàm lượng Niken oxit
230	TCVN 9183:2012	Cát để sản xuất thuỷ tinh. Phương pháp xác định hàm lượng Silic đioxit

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
231	TCVN 9184:2012	Cát để sản xuất thuỷ tinh. Phương pháp xác định hàm lượng Sắt oxit
232	TCVN 9185:2012	Cát để sản xuất thuỷ tinh. Phương pháp xác định hàm lượng Nhôm oxit
233	TCVN 9186:2012	Cát để sản xuất thuỷ tinh. Phương pháp xác định hàm lượng Titan oxit
234	TCVN 9187:2012	Cát để sản xuất thuỷ tinh. Phương pháp xác định hàm lượng độ ẩm
235	TCVN 9502:2013	Kính xây dựng. Xác định hệ số truyền nhiệt (Giá trị U). Phương pháp tính
236	TCVN 4732:2016	Đá ốp lát tự nhiên
237	TCVN 5642:1992	Đá khối thiên nhiên để sản xuất đá ốp lát
238	TCVN 6415-1:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 1: Lấy mẫu và nghiệm thu sản phẩm
239	TCVN 6415-2:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 2: Xác định kích thước và chất lượng bề mặt.
240	TCVN 6415-3:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ hút nước, khối lượng riêng và khối lượng thể tích
241	TCVN 6415-4:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 4: Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy
242	TCVN 6415-5:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 5: Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi
243	TCVN 6415-6:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men
244	TCVN 6415-7:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 7: Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men
245	TCVN 6415-8:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 8: Xác định hệ số giãn nở nhiệt
246	TCVN 6415-9:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 9. Xác định độ bền sốc nhiệt
247	TCVN 6415-10:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 10. Xác định hệ số giãn nở ẩm
248	TCVN 6415-11:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 11: Xác định độ bền rạn men
249	TCVN 6415-12:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 12: Xác định độ bền băng giá

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
250	TCVN 6415-13:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 13: Xác định độ bền hóa học
251	TCVN 6415-14:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 14. Xác định độ bền chống bám bẩn
252	TCVN 6415-15:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 15: Xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men
253	TCVN 6415-16:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 16: Xác định sự khác biệt nhỏ về màu
254	TCVN 6415-17:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 17: Xác định hệ số ma sát
255	TCVN 6415-18:2016	Gạch gốm ốp lát. Phương pháp thử. Phần 18: Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs
256	TCVN 7132:2002	Gạch gốm ốp lát. Định nghĩa, phân loại, đặc tính kỹ thuật và ghi nhãn
257	TCVN 7483:2005	Gạch ốp lát tạo hình bằng phương pháp đùn dẻo - Yêu cầu kỹ thuật
258	TCVN 7744:2013	Gạch Terazo
259	TCVN 7745:2007	Gạch gốm ốp lát ép bán khô - Yêu cầu kỹ thuật
260	TCVN 4435:2000	Tấm sóng amiăng xi măng -Phương pháp thử
261	TCVN 8052-1:2009	Tấm lợp Bitum dạng sóng - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
262	TCVN 8052-2:2009	Tấm lợp dạng sóng - Phần 2: Phương pháp thử
263	TCVN 8258:2009	Tấm xi măng sợi - Yêu cầu kỹ thuật
264	TCVN 8259-1:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 1: Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc
265	TCVN 8259-2:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 2: Xác định cường độ chịu uốn
266	TCVN 8259-3:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 3: Xác định khối lượng thể tích biểu kiến
267	TCVN 8259-4:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 4: Xác định độ co dãn ẩm
268	TCVN 8259-5:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 5: Xác định đọ bền chu kỳ nóng lạnh
269	TCVN 8259-6:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 6: Xác định khả năng chống thấm nước
270	TCVN 8259-7:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 7: Xác định độ bền nước nóng

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
271	TCVN 8259-8:2009	Tấm xi măng sợi -Phương pháp thử. Phần 8: Xác định độ bền băng giá
272	TCVN 8259-9:2009	Tấm xi măng sợi - Phương pháp thử. Phần 9: Xác định độ bền mưa - nắng
273	TCVN 9188:2012	Amiăng crizotin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng
274	TCVN 6300:1997	Nguyên liệu để sản xuất gốm xây dựng. Đất sét. Yêu cầu kỹ thuật
275	TCVN 6301:1997	Nguyên liệu để sản xuất gốm xây dựng. Cao lanh lọc. Yêu cầu kỹ thuật
276	TCVN 6598:2000	Nguyên liệu để sản xuất gốm xây dựng. Trường thạch. Yêu cầu kỹ thuật
277	TCVN 6927:2001	Nguyên liệu để sản xuất gốm xây dựng. Thạch anh. Yêu cầu kỹ thuật
278	TCVN 7131:2002	Đất sét. Phương pháp phân tích hóa học
279	TCVN 7743:2007	Sản phẩm sứ vệ sinh - Định nghĩa và phân loại
280	TCVN 11861:2018	Nguyên liệu tự nhiên cho sản xuất xi măng và gốm sứ - Xác định hàm lượng silicon dioxide dạng quartz bằng phương pháp khối lượng
281	TCVN 11718:2016	Vòi nước vệ sinh. Ống mềm lắp sen vòi dùng làm vòi nước sinh hoạt cho các hệ thống cấp nước kiểu 1 và kiểu 2. Yêu cầu kỹ thuật chung
282	TCVN 11719:2016	Bồn rửa nhà bếp. Kích thước lắp nối
283	TCVN 11720:2016	Bồn rửa nhà bếp. Yêu cầu chức năng và phương pháp thử
284	TCVN 11869:2017	Vòi nước vệ sinh . Yêu cầu kỹ thuật chung cho bộ phận điều chỉnh lưu lượng
285	TCVN 11870-1:2017	Phụ kiện thoát nước cho thiết bị vệ sinh. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
286	TCVN 11870-2:2017	Phụ kiện thoát nước cho thiết bị vệ sinh. Phần 2: Phương pháp thử
287	TCVN 12494:2018	Vòi nước vệ sinh. Van đóng tự động PN10
288	TCVN 4710:2018	Vật liệu chịu lửa - Gạch Samốt
289	TCVN 6416:2018	Vật liệu chịu lửa- Vữa Samốt
290	TCVN 6530-1:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 1: xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
291	TCVN 6530-2:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 2: xác định khối lượng riêng
292	TCVN 6530-3:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 3: xác định khối lượng thể tích, độ hút nước, độ xốp biểu kiến
293	TCVN 6530-4:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 4: Xác định độ chịu lửa
294	TCVN 6530-5:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 5: xác định độ co, nở phụ sau khi nung
295	TCVN 6530-6:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 6: xác định nhiệt đọ biến dạng dưới tải trọng
296	TCVN 6530-7:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 7: xác định độ bền sốc nhiệt
297	TCVN 6530-8:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 8: xác định độ bền xỉ
298	TCVN 6530-9:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 9: xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng
299	TCVN 6530-10:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 10: xác định độ bền uốn ở nhiệt độ cao
300	TCVN 6530-11:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 11 xác định độ chịu mài mòn ở nhiệt độ thường
301	TCVN 6530-12:2016	Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử - Phần 12: xác định khối lượng thể tích vật liệu dạng hạt
302	TCVN 6530-13:2016	Vật liệu chịu lửa- Phương pháp thử. Phần 13: xác định độ bền oxy hóa của vật liệu chứa cacbon
303	TCVN 6533:2016	Vật liệu chịu lửa alumosilicat- Phương pháp phân tích hoá học
304	TCVN 6587:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa Samốt - Đất sét
305	TCVN 6588:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa Samốt - Cao lanh
306	TCVN 6819:2001	Vật liệu chịu lửa chứa crôm - Phương pháp phân tích hoá học
307	TCVN 7638:2007	Vật liệu chịu lửa - Xác định hàm lượng Ziêc côn điôxit
308	TCVN 7706:2007	Vật liệu chịu lửa - Xác định hàm lượng phospho pentôxit
309	TCVN 7707:2007	Vật liệu chịu lửa - Xác định hàm lượng Titan điôxit
310	TCVN 7890:2008	Vật liệu chịu lửa kiềm tính-Phương pháp xác định hàm lượng ôxit manhê

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
311	TCVN 7891:2008	Vật liệu chịu lửa kiềm tính spinel - Phương pháp phân tích xác định hàm lượng SiO2, Fe2O3, Al2O3, CaO
312	TCVN 7948:2008	Vật liệu chịu lửa Manhêdi các bon- Phương pháp xác định hàm lượng các bon tổng
313	TCVN 8253:2009	Gạch chịu lửa kiềm tính cho lò thổi ôxy và lò điện hồ quang luyện thép- Hình dạng và kích thước
314	TCVN 8650:2011	Sản phẩm sợi gốm chịu lửa - Yêu cầu kỹ thuật
315	TCVN 8651:2011	Sản phẩm sợi gốm chịu lửa. Phương pháp thử
316	TCVN 9033:2011	Gạch chịu lửa cho lò quay - Kích thước cơ bản
317	TCVN 10685-2:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 2: Lấy mẫu thử
318	TCVN 10685-3:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 3: Đặc tính khi nhận mẫu
319	TCVN 10685-4:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 4: Xác định dộ lưu động của bê tông chịu lửa
320	TCVN 10685-5:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 5: Chuẩn bị và xử lý viên mẫu thử
321	TCVN 10685-6:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 6: Xác định các tính chất cơ lý
322	TCVN 11914-1:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sít đặc. Phần 1: Sản phẩn Alumina-silica
323	TCVN 11914-2:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sít đặc. Phần 2: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư nhỏ hơn 7%
324	TCVN 11914-3:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sít đặc. Phần 3: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư từ 7% đến 50 %
325	TCVN 11914-4:2018	Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sít đặc. Phần 4: Sản phẩm đặc biệt
326	TCVN 11915:2018	Vật liệu chịu lửa không định hình - Bê tông chịu lửa sa mốt và cao alumin
327	TCVN 11916-1:2018	Vữa chịu lửa - Phương pháp thử - Phần 1: Xác định độ lưu động bằng phương pháp xuyên côn
328	TCVN 11916-2:2018	Vữa chịu lửa - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định độ lưu động bằng phương pháp bàn dằn

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
329	TCVN 11916-3:2018	Vữa chịu lửa - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định độ ổn định mạch
330	TCVN 11916-4:2018	Vữa chịu lửa - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định cường độ bám dính khi uốn
331	TCVN 12004-2:2018	Vât liệu chịu lửa - Xác định độ dẫn nhiệt - Phần 2: Phương pháp dây nóng (song song)
332	TCVN 7949-1:2008	Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình- Phần 1: Phương pháp xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường
333	TCVN 7949-2:2008	Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực
334	TCVN 7950:2008	Vật liệu cách nhiệt - Vật liệu Canxi silicat
335	TCVN 8054:2009	Vật liệu cách nhiệt - Bông thủy tinh cách nhiệt - Yêu cầu kỹ thuật
336	TCVN 8055:2009	Vật liệu cách nhiệt - Sản phẩm bông thủy tinh-Phương pháp thử
337	TCVN 5692:2014	Ván gỗ nhân tạo. Xác định kích thước mẫu thử
338	TCVN 5695:2015	Gỗ dán - Phân loại
339	TCVN 7756-4:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 4: Xác định khối lượng thể tích
340	TCVN 7756-5:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 5: Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước
341	TCVN 7756-6:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 6: Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh
342	TCVN 7756-7:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 7: Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván
343	TCVN 7756-8:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 8: Xác định độ bền ẩm
344	TCVN 7756-9:2007	Ván gỗ nhân tạo - Phương pháp thử. Phần 9: Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán
345	TCVN 7756-12:2007	Ván gỗ nhân tao -PP xác định hàm lượng formadehyt
346	TCVN 10572-1:2014	Gỗ nhiều lớp (LVL) - Chất lượng dán dính - Phần 1: Phương pháp thử
347	TCVN 10572-2:2015	Gỗ nhiều lớp (LVL) - Chất lượng dán dính - Phần 2: Các yêu cầu
348	TCVN 11943:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
349	TCVN 11944:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định đặc trưng hình học
350	TCVN 11945-1:2018	Ván lát sàn nhiều lớp và loại đàn hồi - Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại - Phần 1: Vết lõm lưu lại
351	TCVN 11946:2018	Ván lát sàn nhiều lớp, loại đàn hồi và loại dệt - Phân loại
352	TCVN 11947:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền mài mòn
353	TCVN 11948:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền chịu tác động của bánh xe chân ghế
354	TCVN 11949:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền va đập
355	TCVN 11950:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm một phần trong nước
356	TCVN 11951:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khô và ẩm
357	TCVN 11952:2018	Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền mối ghép nối cơ học
358	TCVN 2096-1:2015	Sơn và vecni - Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 1: Xác định trạng thái khô hoàn toàn và thời gian khô hoàn toàn
359	TCVN 2096-2:2015	Sơn và vecni - Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 2: Thử nghiệm áp lực đối với khả năng xếp chồng.
360	TCVN 2096-3:2015	Sơn và vecni - Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 3: Xác định thời gian khô bề mặt dùng hạt BALLOTINI
361	TCVN 2096-4:2015	Sơn và vecni - Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 4: Phép thử dùng máy ghi cơ học.
362	TCVN 2096-5:2015	Sơn và vecni. Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 5: Phép thử BANDOW-WOLFF cải biến
363	TCVN 2096-6:2015	Sơn và vecni - Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô. Phần 6: Xác định trạng thái không vết.
364	TCVN 5730:2008	Sơn alkyd. Yêu cầu kỹ thuật chung
365	TCVN 6557:2000	Vật liệu chống thấm. Sơn bitum cao su
366	TCVN 8652:2012	Sơn tường dạng nhũ tương - Yêu cầu kỹ thuật
367	TCVN 8653-3:2012	Sơn tường dạng nhũ tương-Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ bền kiềm của màng sơn

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
368	TCVN 8653-4:2012	Sơn tường dạng nhũ tương-Phương pháp thử. Phần 4: Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn
369	TCVN 8653-5:2012	Sơn tường dạng nhũ tương-Phương pháp thử. Phần 5: Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn
370	TCVN 9404:2012	Sơn xây dựng. Phân loại
371	TCVN 9405:2012	Sơn tường dạng nhũ tương - Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn
372	TCVN 9406:2012	Sơn - Phương pháp không phá huỷ xác định chiêù dày màng sơn khô
373	TCVN 10237-1:2013	Sơn và vecni. Xác định khối lượng riêng. Phần 1: Phương pháp Pyknometer
374	TCVN 10237-3:2012	Sơn và vecni. Xác định khối lượng riêng. Phần 3: Phương pháp dao động
375	TCVN 10369:2014	Sơn và vecni. xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) trong sơn nhũ tương có hàm lượng VOC thấp (in-can VOC)
376	TCVN 10370-1:2014	Sơn và vecni. xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. Phần 1: Phương pháp hiệu số
377	TCVN 10370-2:2014	Sơn và vecni. xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. Phần 2: Phương pháp sắc ký khí
378	TCVN 10671:2015	Sơn và vecni - Phép thử độ sâu ấn lõm
379	TCVN 11935-1:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 1: Phân loại và lựa chọn
380	TCVN 11935-2:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 2: Yêu cầu và chất lượng
381	TCVN 11935-3:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 3: Phép thử thời tiết tự nhiên
382	TCVN 11935-5:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 5: Đánh giá độ thấm nước dạng lỏng
383	TCVN 11935-6:2018	Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 6: Phép thử thời tiết nhân tạo bằng cách phơi mẫu sử dụng huỳnh quang UV và nước
384	TCVN 8256:2009	Tấm thạch cao. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
385	TCVN 8654:2011	Thạch cao và sản phẩm thạch cao - Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit tổng số.
386	TCVN 12693:2020	Vật liệu cho mối nối các tấm thạch cao
387	TCVN 7647:2010	Cao su lưu hóa. Xác định độ bám dính với sợi kim loại.
388	TCVN 10103:2013	Chất dẻo- Tấm polycacbonat (PC) - kiểu loại, kích thước và đặc tính.
389	TCVN 10672-1:2015	Chất dẻo - Vật liệu polycacbonat (PC) đúc và đùn. Phần 1: Hệ thống định danh và cơ sở cho yêu cầu kỹ thuật
390	TCVN 10672-2:2015	Chất dẻo - Vật liệu polycacbonat (PC) đúc và đùn. Phần 2: Chuẩn bị mẫu thử và xác định tính chất
391	TCVN 9065:2012	Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bitum
392	TCVN 9066:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính - Yêu cầu kỹ thuật.
393	TCVN 9067-1:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính - Phương pháp thử. Phần 1: Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt
394	TCVN 9067-2:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính - Phương pháp thử. Phần 2: Xác định độ bền chọc thủng động
395	TCVN 9067-3:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính - Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ bền nhiệt
396	TCVN 9067-4:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính - Phương pháp thử. Phần 1: Xác định độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh
397	TCVN 9080-1:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 1: Xác định độ bền kéo
398	TCVN 9080-2:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 2: Xác định độ bền nén
399	TCVN 9080-3:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ bám dính
400	TCVN 9080-4:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 4: Thời gian công tác, thời gian đóng rắn ban đầu và thời gian đóng rắn đủ cường độ sử dụng

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
401	TCVN 9080-5:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 5: Xác định độ co và hệ số giãn nở nhiệt
402	TCVN 9080-6:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 6: Xác định Hệ số hấp thụ nước
403	TCVN 9080-7:2012	Vữa bền hoá gốc polyme. Phương pháp thử. Phần 7: Xác định độ bền hóa
404	TCVN 9407:2014	Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC
405	TCVN 9408:2014	Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật
406	TCVN 9973:2013	Vật liệu chèn khe và vết nứt cho mặt đường bê tông xi măng và bê tông nhựa - Phương pháp thử
407	TCVN 9974:2013	Vật liệu chèn khe và vết nứt cho mặt đường bê tông xi măng và bê tông nhựa - Yêu cầu kỹ thuật
408	TCVN 12692:2020	Vật liệu chông thấm nước thi công dạng lỏng sử dụng bên dưới lớp chất kết dính dán gạch ốp lát - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử
409	TCVN 7239:2013	Bột bả tường
410	TCVN 7951:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Yêu cầu kỹ thuật
411	TCVN 7952-1:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 1: Xác định độ nhớt
412	TCVN 7952-2:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 2: Xác định độ chảy sệ
413	TCVN 7952-3:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 1: Xác định thời gian tạo gel
414	TCVN 7952-4:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 4: Xác định cường độ kết dính
415	TCVN 7952-5:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 5: Xác định độ hấp thụ nước
416	TCVN 7952-6:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 6: Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải tọng
417	TCVN 7952-7:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 7: Xác định khả năng thích ứng nhiệt
418	TCVN 7952-8:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 8: Xác định hệ số co ngót sau khi đóng rắn

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
419	TCVN 7952-9:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 9: Xác định cường chịu nén và mô đun đàn hồi khi nén ở điểm chảy
420	TCVN 7952-10:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 10: Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt
421	TCVN 7952-11:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Phương pháp thử. Phần 11: Xác định cường độ liên kết
422	TCVN 7953:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông - Quy phạm thi công và nghiệm thu
423	TCVN 8266:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật.
424	TCVN 8267-1:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 1: Xác định độ chảy
425	TCVN 8267-2:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 2: Xác định khả năng đùn chảy
426	TCVN 8267-3:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 3: Xác định độ cứn Shore A
427	TCVN 8267-4:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 4: Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phấn hoa
428	TCVN 8267-5:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 1: Xác định thời gian không dính bề mặt
429	TCVN 8267-6:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Phương pháp thử. Phần 6: Xác định cường độ bám dính
430	TCVN 9190:2012	Vật liệu cacbua silic - Phương pháp phân tích hóa học
431	TCVN 11896:2017	Vật liệu dán tường dạng cuộn. Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo. Yêu cầu kỹ thuật
432	TCVN 11897:2017	Vật liệu dán tường dạng cuộn. Xác định kích thước, độ thẳng, khả năng lau sạch và khả năng rửa
433	TCVN 11898:2017	Vật liệu dán tường dạng cuộn. Xác định mức thôi nhiễm của các kim loại nặng và một số nguyên tố khác, hàm lượng monome vinyl clorua và formaldehyt phát tán

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
434	TCVN 11968:2018	Bột nhôm dùng để sản xuất bê tông khí - Yêu cầu kỹ thuật
435	TCVN 9392:2012	Thép cốt bê tông. Hàn hồ quang.
436	TCVN 11109:2015	Cốt Composit Polyme
437	TCVN 11110:2015	Cốt Composit Polyme dùng trong kết cấu bê tông và địa kỹ thuật
438	TCVN 11977:2017	Thép cốt bê tông. Phương pháp thử và tiêu chí chấp nhận mối nối hàn đối đầu bằng khí áp lực
439	TCVN 12392-1:2018	Sợi cho bê tông - Phần 1: Sợi thép
440	TCVN 12392-2:2019	Sợi cho bê tông - Phần 1: Sợi polyme
5.2	**Cấu kiện, kết cấu**	
441	TCVN 7575-1:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần1: Quy định kỹ thuật
442	TCVN 7575-2:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần2: Phương pháp thử
443	TCVN 7575-3:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần3: Hướng dẫn lắp dựng
444	TCVN 7888:2014	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước
445	TCVN 8629:2010	Rung động và chấn động. Hướng dẫn đánh giá phản ứng của cư dân trong các công trình cố định đặc biệt những công trình nhà cao tầng và công trình biển chịu chuyển động lắc ngang tần số thấp (từ 0,063 Hz đến 1 Hz)
446	TCVN 9113:2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
447	TCVN 9116:2012	Cống hộp bê tông cốt thép
448	TCVN 9345:2012	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm
449	TCVN 9347:2012	Cấu kiện bê tông và bê tông đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải đánh giá độ bền, cứng và chống nứt
450	TCVN 9366-1:2012	Cửa đi, cửa sổ. Phần 1: Cửa gỗ
451	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi, cửa sổ. Phần 2: Cửa kim loại
452	TCVN 9384:2012	Băng chắn nước dùng trong mối nối công trình xây dựng. Yêu cầu sử dụng.
453	TCVN 9390:2012	Thép cốt bê tông. Mối nối bằng dập ép ống. Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
454	TCVN 9391:2012	Lưới thép hàn dùng trong Kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu
455	TCVN 9396:2012	Cọc khoan nhồi. Xác định tính đồng nhất của bê tông. Phương pháp xung siêu âm
456	TCVN 9397:2012	Cọc. Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ
457	TCVN 9685:2013	Cọc ván thép cán nóng
458	TCVN 9686:2013	Cọc ván thép cán nóng hàn được
459	TCVN 10332:2014	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn
460	TCVN 10333-1:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 1: Hố thu nước mưa và hố ngăn mùi
461	TCVN 10333-2:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 2: Giếng thăm hình hộp
462	TCVN 10333-3:2014	Hố ga thoát nước bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 3: Nắp và song chắc rác
463	TCVN 10333-4:2019	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Phần 4: Giếng thăm hình trụ
464	TCVN 10334:2014	Bể tự hoại bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh
465	TCVN 10797:2015	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn
466	TCVN 10798:2015	Tấm bê tông đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường
467	TCVN 10799:2015	Gối cống bê tông đúc sẵn
468	TCVN 10800:2015	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Bể lọc chậm và bể chứa nước sinh hoạt
469	TCVN 11524:2016	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép
470	TCVN 12040:2017	Mương bê tông cốt sợi thành mỏng đúc sẵn
471	TCVN 12604-1:2019	Kết cấu bảo vệ bờ biển - Cấu kiện kè bê tông cốt sợi polyme đúc sẵn - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
472	TCVN 12867:2020	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép - Yêu cầu kỹ thuật
473	TCVN 12868:2020	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép - Phương pháp thử
474	TCVN 12869:2020	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép - Thi công và nghiệm thu

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
475	TCVN 12694:2020	Hệ khung treo kim loại cho tấm trần - Yêu cầu kỹ thuật về sản xuất, tính năng và phương pháp thử
6	**SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH**	
476	TCVN 12041:2017	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực
477	TCVN 12251:2020	Bảo vệ chống ăn mòn cho kết cấu xây dựng
7	**CƠ KHÍ, MÁY XÂY DỰNG**	
478	TCVN 4087:2012	Sử dụng máy xây dựng - Yêu cầu chung
479	TCVN 12856:2020	Hệ thống và thiết bị vận chuyển liên tục – Yêu cầu an toàn và yêu cầu EMC cho thiết bị lưu trữ vật liệu rời trong silo, bunke, thùng chứa và phễu chứa
480	TCVN 9320:2012	Máy làm đất. Phương pháp thử nghiệm để đo lực kéo trên thanh kéo
481	TCVN 9321:2012	Máy làm đất. Phương pháp xác định trọng tâm
482	TCVN 9322:2012	Máy làm đất. Phương pháp đo kích thước tổng thể của máy cùng thiết bị công tác
483	TCVN 9323:2012	Máy làm đất. Máy xúc lật. Các phương pháp đo các lực gầu xúc và tải trọng lật
484	TCVN 9324:2012	Máy làm đất. máy đào thủy lực. Phương pháp đo lực đào.
485	TCVN 9325:2012	Máy làm đất. Phương pháp xác định tốc độ di chuyển
486	TCVN 9326:2012	Máy làm đất. Phương pháp đo thời gian dịch chuyển của bộ phận công tác
487	TCVN 9327:2012	Máy làm đất. Phương pháp đo khối lượng toàn bộ máy, thiết bị công tác và các bộ phận cấu thành của máy
488	TCVN 9328:2012	Máy làm đất. Phương pháp xác định các kích thước quay vòng của máy bánh lốp
489	TCVN 9329:2012	Máy làm đất. Máy đào thủy lực. Sức nâng
490	TCVN 11357-7:2019	Máy đào và chuyển đất – An toàn – Phần 7: Yêu cầu cho máy cạp
491	TCVN 11357-8:2019	Máy đào và chuyển đất - An toàn - Phần 8: Yêu cầu cho máy san
492	TCVN 11357-9:2019	Máy đào và chuyển đất – An toàn – Phần 9: Yêu cầu cho máy lắp đặt đường ống

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
493	TCVN 11357-10:2019	Máy đào và chuyển đất – An toàn – Phần 10: Yêu cầu cho máy đào rãnh
494	TCVN 11357-11:2019	Máy đào và chuyển đất - An toàn - Phần 11: Yêu cầu cho máy đầm đất và rác thải
495	TCVN 11357-12:2019	Máy đào và chuyển đất - An toàn - Phần 12: Yêu cầu cho máy đào truyền động cáp
496	TCVN 11357-13:2019	Máy đào và chuyển đất – An toàn – Phần 13: Yêu cầu cho máy đầm lăn
497	TCVN 4203:1986	Dụng cụ cầm tay trong xây dựng. Danh mục
498	TCVN 4204:1986	Hệ thống bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng. Tổ chức bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng
499	TCVN 4517:1988	Hệ thống bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng. Quy phạm nhận và giao máy trong sửa chữa lớn. Yêu cầu chung
500	TCVN 5843:2012	Máy trộn bê tông 250L
501	TCVN 11358:2016	Máy vận chuyển, phun, bơm bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn
502	TCVN 11359:2016	Máy và trạm sản xuất hỗn hợp bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn
503	TCVN 11360:2016	Máy đầm và xoa phẳng bê tông - Yêu cầu an toàn
504	TCVN 11361-1:2016	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ hỗn hợp bê tông và vôi cát - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung
505	TCVN 11361-2:2016	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ hỗn hợp bê tông và vôi cát - An toàn - Phần 2: Máy sản xuất gạch block
506	TCVN 11361-3:2016	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ hỗn hợp bê tông và vôi cát - An toàn - Phần 3: Máy kiểu bàn trượt và bàn xoay
507	TCVN 11361-4:2016	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ hỗn hợp bê tông và vôi cát - An toàn - Phần 4: Máy sản xuất ngói bê tông
508	TCVN 11361-5-1:2018	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ hỗn hợp bê tông và vôi cát – An toàn – Phần 5-1: Máy sản xuất ống bê tông có trục thẳng đứng khi tạo hình

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
509	TCVN 11361-5-2:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy sản xuất ống bê tông với trục ở vị trí nằm ngang khi tạo hình
510	TCVN 11361-5-3:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy sản xuất ống bê tông ứng suất trước
511	TCVN 11361-5-4:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy bọc ống bê tông
512	TCVN 11361-6:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Thiết bị cố định và di động cho sản xuất các sản phẩm bê tông cốt thép đúc sẵn
513	TCVN 11361-7:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Thiết bị cố định và di động cho dây chuyền sản xuất các sản phẩm ứng suất trước
514	TCVN 11361-8:2019	Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy và thiết bị sản xuất các sản phẩm xây dựng từ silicat (và hỗn hợp bê tông)
515	TCVN 12091-1:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 1: Yêu cầu chung
516	TCVN 12091-2:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 2: Máy khoan tự hành dùng trong xây dựng, địa kỹ thuật và khai thác mỏ
517	TCVN 12091-3:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 3: Thiết bị khoan ngang có định hướng (HDD)
518	TCVN 12091-4:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 4: Thiết bị gia cố nền móng
519	TCVN 12091-5:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 5: Thiết bị thi công tường trong đất
520	TCVN 12091-6:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 6: Thiết bị dùng trong công tác khoan phụt
521	TCVN 12091-7:2018	Thiết bị khoan và gia cố nền móng – An toàn – Phần 7: Thiết bị bổ sung có thể hoán đổi được
522	TCVN 12092:2018	Máy cắt sàn – An toàn

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
523	TCVN 12093:2018	Máy cắt gạch và đá dùng cho công trường xây dựng – An toàn
524	TCVN 12857:2020	Máy khoan rút lõi kiểu chân đế – An toàn
525	TCVN 12858:2020	Máy cắt đĩa và máy cắt dây di động dùng cho công trường xây dựng – An toàn
526	TCVN 12859:2020	Máy đào hầm - Yêu cầu an toàn
527	TCVN 12860:2020	Máy đào hầm - Buồng khí áp - Yêu cầu an toàn
528	TCVN 12861:2020	Máy đào hầm – Máy đào kiểu đầu cắt và máy đào liên tục – Yêu cầu an toàn
529	TCVN 12862:2020	Máy và trạm khai thác và gia công đá tự nhiên – Yêu cầu an toàn cho máy cưa đá nhiều lưỡi
530	TCVN 12863:2020	Máy và trạm khai thác và gia công đá tự nhiên – Yêu cầu an toàn cho máy cắt bằng dây kim cương
531	TCVN 12864:2020	Máy và trạm khai thác và gia công đá tự nhiên – An toàn – Yêu cầu đối với máy cắt đá kiểu xẻ rãnh có lưỡi cắt gắn với xích và đai
532	TCVN 12865:2020	Máy và trạm khai thác và gia công đá tự nhiên – An toàn – Yêu cầu đối với máy hoàn thiện bề mặt
533	TCVN 12866:2020	Máy và trạm khai thác và gia công đá tự nhiên An toàn - Yêu cầu đối với máy cắt/phay kiểu cầu, bao gồm cả các loại điều khiển số (NC/CNC)
8	**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG**	
534	TCVN 7365:2003	Không khí vùng làm việc. Giới hạn nồng độ bụi và chất ô nhiễm không khí tại các cơ sở sản xuất xi măng